TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 14/6/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Ngô Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; ĐKHKTT và trú tại: xóm 1, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, ĐKHKTT: xóm 1, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 9, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện K năm 2012 là quê của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 1, xã L là quê của anh. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh đã nhiều lần khuyên giải, gia đình hai bên đã hòa giải với

chị H nhưng không thành mà mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2015, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 9, xã Y để sinh sống, ly thân với anh từ năm 2015 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 01/01/2013, hiện do anh nuôi dưỡng; khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trong bản tự khai có trình bày: chị xác nhận điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị do anh T không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con mặc dù chị khuyên nhủ nhưng không cải thiện được tình trạng vợ chồng; không thể chịu đựng được tính cách và lối sống của anh T nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 9, xã Y ly thân với anh T; trong suốt thời gian ly thân anh T không quan tâm gì đến chị. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị, chị cũng đồng ý vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Chị H công nhận vợ chồng chỉ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 01/01/2013, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn chị nhất trí để anh T tiếp tục nuôi con và chị không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho anh T. Anh T không được ngăn cản việc chị thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H bận công việc, không thể tham gia phiên xét xử, vì vậy chị đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cho anh mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 6/2019 đến khi con chung tự lập được vì cháu bị bệnh bại não sơ sinh hiện nay không tự chủ được sinh hoạt cá nhân.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: về tố tụng nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H; giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 01/01/2013; chị H phải đóng góp tiền nuôi con

chung cho anh T theo quy định; anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; chị H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Nguyễn Thị H, hiện cư trú tại xóm 9, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng do bận công việc chị H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chi Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía anh T xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.Về phía chị H lại xác định vợ chồng mâu thuẫn do anh T không quan tâm tới gia đình, không có trách nhiệm với vợ con.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị H tại UBND xã L là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được nhưng vì mâu thuẫn chị H đã về nhà mẹ đẻ tại xã Y huyện K sống ly thân với anh T từ năm 2015 đến nay.

Như vậy, mặc dù nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn các bên trình bày là khác nhau nhưng cả anh T và chị H đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T từ cuối năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai và hai bên đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T, chị H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh T giải quyết ly hôn chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đều xác định vợ chồng có một con chung; khi ly hôn ban đầu anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi

con chung và không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Tam. Chị H trong bản tự khai cũng đã có ý kiến nhất trí với yêu cầu đề xuất của anh T.

Tại phiên tòa anh T bổ sung yêu cầu buộc chị H phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Thực tế từ khi chị H và anh T sống ly thân từ năm 2015 anh T một mình nuôi con chung và đảm bảo cuộc sống của con chung; mức thu nhập làm tự do từ 04 đến 05 triệu đồng /tháng; con chung của anh chị bị bệnh bại não sơ sinh không tự chủ được sinh hoạt cá nhân, cần có người chăm sóc hỗ trợ thường xuyên trong sinh hoạt; như vậy thu nhập của anh T không thể đảm bảo cuộc sống của con chung được nên yêu cầu của anh buộc chị H phải có trách nhiêm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là có căn cứ. Vì vậy ngoài yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là phù hợp được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó về vấn đề này Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và chị H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 83, 110, 116 và 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Hoàng Hải B, sinh ngày 01/01/2013. Chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 06/2019 đến khi con chung thành niên tự lập (hoặc tử vong). Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3012 ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh

(Đã ký)